

Bản án số: 03/2025/DS - ST
Ngày: 24/6/2025
(V/v tranh chấp hợp đồng bảo hiểm)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YM, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Ngọc Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phạm Văn Toàn

ông Lê Xuân Cung

- Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thị Minh Thư - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện YM.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YM: bà Vũ Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 24/6/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YM, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2024/TLST-DS ngày 08/10/2024 về “tranh chấp Hợp đồng bảo hiểm” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXX-ST ngày 09/4/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-DS ngày 09/5/2025 và Thông báo về thời gian mở lại phiên tòa số 01/TB-TA ngày 03/6/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Đoàn Văn H, sinh năm 1965 và bà Trương Thị X, sinh năm 1973; cùng địa chỉ: thôn Ph, xã YL, huyện YM, tỉnh Ninh Bình.

Người Đ diện hợp pháp của ông Đoàn Văn H: anh Đinh Chí L, sinh năm 1987; địa chỉ: xóm 10, xã K, huyện YK, tỉnh Ninh Bình; là người Đ diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 03/4/2024).

- Bị đơn: Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ A; địa chỉ: Toà nhà Saigon Centre Tháp 2, 67 Lê Lợi, phường B, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người Đ diện hợp pháp của bị đơn: ông Huỳnh Công D - chức vụ: Cố vấn pháp lý, Phòng pháp lý thuộc Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ A; là người Đ diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 21/10/2024).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1961; địa chỉ: thôn Ph, xã YL, huyện YM, tỉnh Ninh Bình.

- Người làm chứng:

+ Ông Tống Văn Ng, sinh năm 1960; địa chỉ: thôn Ph, xã YL, huyện YM, tỉnh Ninh Bình.

+ Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1966; địa chỉ: thôn Ph, xã YL, huyện YM, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa, có mặt: bà X, anh L, ông D, bà Th và ông Ng; vắng mặt ông Đ (ông Đ đề nghị Tòa án không triệu tập đến phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện không ghi ngày tháng năm, Đơn khởi kiện ngày 04/10/2024, Bản tự khai ngày 30/10/2024, Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 26/3/2025, nguyên đơn ông Đoàn Văn H, bà Trương Thị X và người Đ diện theo uỷ quyền của ông Đoàn Văn H là anh Mai Văn N trình bày:

Năm 2019, do có quen biết bà Nguyễn Thị Th là người cùng xã và là Đ lý của Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ A (sau đây gọi là Công ty A), trên cơ sở nhu cầu của gia đình, bà Th tư vấn cho bà Trương Thị X ký Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ số U913543683 ngày 09/9/2019 (sau đây gọi là Hợp đồng) giữa bà X và Công ty A. Theo tư vấn và giải thích của bà Th thì người mua bảo hiểm là bà Trương Thị X, người được bảo hiểm là ông Đoàn Văn H, chồng bà X; giá trị Hợp đồng là 250.000.000 đồng; phí đóng 01 năm là 15.000.000 đồng; thời hạn đóng phí 15 năm; phương thức đóng phí 01 lần/năm.

Sau khi bà X, ông H hoàn tất việc ký Hợp đồng, bà Th không bàn giao cho gia đình bà X. Thời điểm ký Hợp đồng, vợ chồng ông H bà X chưa có tiền, bà Th đã tự bỏ tiền đóng hộ phí bảo hiểm năm đầu tiên là 15.000.000 đồng để hoàn thành bộ hồ sơ yêu cầu bảo hiểm. Sau khi ký Hợp đồng 3 tháng, vợ chồng bà X mới trả hết số tiền 15.000.000 đồng cho bà Th, khi đó bà Th mới bàn giao Hợp đồng cho vợ chồng bà X và cũng không giải thích gì thêm. Kỳ đóng phí bảo hiểm lần thứ 2 năm 2020 và kỳ đóng phí bảo hiểm lần thứ 3 năm 2021 bà X đã đóng đầy đủ mỗi năm 15.000.000 đồng và đều thông qua bà Th.

Năm 2022, đến kỳ đóng phí bảo hiểm lần thứ 4, do kinh tế khó khăn, bà X không có đủ 15.000.000 đồng để đóng 01 lần/năm như thỏa thuận trong Hợp đồng nên đã hỏi bà Th có thể đóng 2 lần/năm được không, bà Th bảo “được”, lần thứ nhất, ngày 22/10/2022, bà X đưa 5.000.000 đồng cho bà Th để bà Th đóng hộ phí bảo hiểm, bà Th đã đóng hộ bà X; lần thứ 2 vào ngày 17/11/2022 bà X mang 10.000.000 đồng đến

nờu bà Th đóng hộ nhưng bà Th đi miền Nam, không có nhà, ông Tống Văn Ng (là chồng bà Th) nhận đóng thay nhưng không đi đóng nên quá hạn. Khi bà Th về, cầm tiền đi đóng thì nhập nhầm mã bảo hiểm nên mã hợp đồng bảo hiểm của bà X bị treo. Ngày 20/4/2023, Công ty yêu cầu bà X ký khôi phục Hợp đồng với lý do: Hợp đồng đã hết hiệu lực do đóng phí bảo hiểm quá hạn. Bà Th và Công ty đã hướng dẫn bà X nếu muốn tiếp tục tham gia Hợp đồng thì làm thủ tục khôi phục hợp đồng và nộp nốt số tiền còn thiếu. Ngày 13/02/2023 bà Th mang nốt số tiền 10.000.000 đồng của bà X để nộp cho Công ty A. Đến kỳ đóng phí bảo hiểm lần thứ 5, bà X đưa cho bà Th 15.000.000 đồng vào ngày 20/08/2023 để nộp phí bảo hiểm cho bà X. Ba ngày sau, bà Th mang trả lại số tiền trên cho bà X với lý do: ông Đoàn Văn H mắc bệnh hiểm nghèo nên công ty hủy Hợp đồng. Lúc này bà X mới biết Hợp đồng của bà đã bị mất hiệu lực và thời hạn đóng phí trong Hợp đồng mà Công ty A cung cấp cho bà là 46 năm mà không phải 15 năm như bà Th đã tư vấn khi làm hợp đồng.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty A phải hoàn trả toàn bộ số tiền 60.000.000 đồng (*sáu mươi triệu đồng*) mà bà Trương Thị X đã đóng 04 năm từ năm 2019 đến năm 2022 do Hợp đồng bảo hiểm giữa bà X và Công ty A bị hủy.

Ngày 08/4/2025, người Đ diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Mai Văn Nam có văn bản gửi cho Tòa án thông báo về việc chấm dứt ủy quyền giữa anh Mai Văn Nam và ông Đoàn Văn H.

Tại Bản tự khai ngày 12/5/2025 và ngày 16/5/2025 và tại phiên tòa, người Đ diện theo ủy quyền của ông Đoàn Văn H là anh Đinh Chí L trình bày: khi bà X tham gia bảo hiểm, bà Th là Đ lý bảo hiểm đã tự đóng phí lần đầu ngày 09/9/2019 cho bà X. Hành vi của bà Th đã vi phạm Điều 18, Điều 21 Luật Kinh doanh bảo hiểm; khoản 3, Điều 4 Quyết định 319/QĐ-BTC, Điều 117 Bộ Luật Dân sự. Bảng Minh Họa hợp đồng được lập ngày 16/9/2019 nhưng công ty lại yêu cầu bà X ký lùi ngày 09/9/2019 vi phạm Điều 18, Điều 21, Điều 22 Luật Kinh doanh bảo hiểm; Điều 116, Điều 117, Điều 123 Bộ luật Dân sự. Công ty bán cho bà X một hợp đồng dài hạn 46 năm, trong khi bà đã 46 tuổi mà không thẩm định về kinh tế tuổi tác, sức khỏe xem có phù hợp với hợp đồng này hay không, vi phạm Điều 21 Luật Kinh doanh bảo hiểm, Điều 117 Bộ luật Dân sự. Sản phẩm không phù hợp với tuổi, bà X phải duy trì hợp đồng và đóng phí hàng năm là 15.000.000 đồng tới năm bà 92 tuổi là không thể vì hai ông bà đều làm ruộng, hoàn cảnh khó khăn, không có lương hưu hay nguồn thu nhập nào khác thì không thể đảm bảo duy trì hợp đồng được. Bà X ký hồ sơ yêu cầu tham gia

bảo hiểm ngày 09/9/2019, bộ hợp đồng phát hành ngày 23/9/2019 và bà X được nhận vào ngày 10/10/2019 là Công ty đã vi phạm Điều 18, khoản 3 Điều 21 Luật Kinh doanh bảo hiểm.

Từ các lý do trên, người Đ diện theo ủy quyền của ông Đoàn Văn H yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng bảo hiểm ngày 09/9/2019 giữa bà X và Công ty A vô hiệu và buộc Công ty A phải hoàn trả toàn bộ số tiền 60.000.000 đồng mà bà Trương Thị X đã đóng 04 năm từ 2019 đến 2022.

Ngày 16/6/2025, Tòa án nhận được “Đơn xin bổ sung nhân chứng, ý kiến” đề ngày 11/6/2025 của bà X gửi qua đường Bưu điện có nội dung bà X đề nghị Tòa án triệu tập thêm người làm chứng là ông Phạm Văn Đ và bà Phan Thị Thanh đều có địa chỉ tại: thôn Ph, xã YL, huyện YM, tỉnh Ninh Bình là những người cũng tham gia bảo hiểm tại Công ty A. Ngoài ra, bà X còn yêu cầu Tòa án buộc Công ty A phải trả tiền lãi với lãi suất ngân hàng là 1 phần trăm của từng mệnh giá tiền của từng năm từ tháng 9 năm 2019 cho đến ngày xét xử xong. Ngày 17/6/2025, bà X có đơn đề nghị Tòa án không triệu tập người làm chứng là bà Phan Thị Thanh.

Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người Đ diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ A là ông Huỳnh Công D trình bày:

Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1961, trú tại thôn Ph, xã YL, huyện YM, tỉnh Ninh Bình là Đ lý của Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ A, có mã số Đ lý 190017770 từ ngày 15/5/2019. Ngày 09/9/2019, Công ty A nhận được bộ hồ sơ yêu cầu bảo hiểm có chữ ký của bà Trương Thị X và ông Đoàn Văn H do Đ lý Nguyễn Thị Th tư vấn, hướng dẫn làm thủ tục. Theo đó, bà X, ông H đề nghị tham gia bảo hiểm tại Công ty A với các thông tin như sau: Bên mua bảo hiểm bà Trương Thị X, người được bảo hiểm chính ông Đoàn Văn H, người được bảo hiểm bổ sung bà Trương Thị X, người thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm bà Trương Thị X, sản phẩm chính An Phúc Trọn Đời Ưu Việt - Quyền lợi nâng cao. Số tiền bảo hiểm cho Quyền lợi nâng cao: 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn đóng phí 46 năm. Sản phẩm bảo hiểm bổ sung đối với người được bảo hiểm chính gồm: Bảo hiểm tử vong và thương tật do tai nạn 50.000.000 đồng; hỗ trợ chi phí nằm viện 200.000 đồng/ngày. Đối với người được bảo hiểm bổ sung bà Trương Thị X có quyền miễn thu phí đặc biệt 13.215.000 đồng, hỗ trợ chi phí nằm viện 100.000 đồng/ngày. Tổng phí bảo hiểm năm đầu tiên là 15.005.000đồng/năm; phương thức đóng phí: 01 lần/năm. Công ty A không yêu cầu

những người được bảo hiểm đi khám sức khỏe, người được bảo hiểm tự kê khai và chịu trách nhiệm về tính trung thực của tình trạng sức khỏe đã kê khai.

Ngày 23/9/2019, Công ty A chấp thuận bảo hiểm và phát hành Giấy chứng nhận bảo hiểm cho Hợp đồng bảo hiểm số U913543683 với hiệu lực kể từ ngày khách hàng ký là 09/9/2019, ngày hết hạn Hợp đồng là 09/9/2065. Tổng phí bảo hiểm định kỳ cho Hợp đồng bảo hiểm là 15.005.000 đồng, trong đó phí bảo hiểm cho sản phẩm chính (có giá trị hoàn lại) là 12.000.000 đồng, phí bảo hiểm cho sản phẩm bổ sung (không có giá trị hoàn lại) là 3.005.000 đồng; bà X chọn phương thức đóng định kỳ “năm”. Tổng phí bảo hiểm hợp lệ bà X đã đóng cho Công ty A là 45.013.000 đồng cho 03 kỳ phí của năm 2019, 2020 và năm 2021.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, người được bảo hiểm là ông Đoàn Văn H đã có 03 lần yêu cầu Công ty A chi trả “Quyền lợi bảo hiểm năm viện” vào các ngày 17/6/2020, ngày 26/11/2020 và 03/6/2021. Thực hiện đúng thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng, Công ty A đã thanh toán quyền lợi hỗ trợ chi phí nằm viện cho ông H lần lượt các số tiền 1.400.000 đồng, 1.200.000 đồng và 2.600.000. Tổng số tiền Công ty đã chi trả cho người được bảo hiểm ông Đoàn Văn H trong quá trình thực hiện Hợp đồng là 5.200.000 đồng.

Đến kỳ đóng phí bảo hiểm ngày 09/9/2022 bà X không thanh toán đủ phí bảo hiểm định kỳ cho Công ty. Theo quy định trong Hợp đồng, bên mua bảo hiểm được quyền gia hạn đóng phí là 60 ngày. Theo số điện thoại bà X đăng ký trong Hợp đồng, Công ty A đã 02 lần gửi tin nhắn cho bà X thông báo đến hạn nộp phí vào ngày 22/8/2022 và ngày 24/9/2022 và 02 lần gửi thư báo đến hạn nộp phí lần lượt đề ngày 12/8/2022 và 24/9/2022, thư báo gửi về địa chỉ của người mua bảo hiểm thể hiện trong Hợp đồng là thôn Ph, xã YL, huyện YM, tỉnh Ninh Bình. Ngày 22/10/2022, bà X nộp số tiền 5.000.000 đồng. Do số tiền này không đủ để đóng cho kỳ phí đến hạn là 15.005.000 đồng nên Công ty A tạm treo vào khoản phí dư của Hợp đồng bảo hiểm. Ngày 08/11/2022, hết thời gian gia hạn đóng phí 60 ngày, Công ty A vẫn không nhận đủ phí bảo hiểm từ bên mua bảo hiểm bà Trương Thị X. Do đó, Hợp đồng bảo hiểm số U913543683 của bà Trương Thị X đã bị mất hiệu lực kể từ ngày 09/9/2022. Ngày 13/11/2022, Công ty A phát hành Thông báo chấm dứt hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm cho khách hàng Trương Thị X với lý do: khách hàng không đóng đủ phí bảo hiểm trong thời hạn. Ngày 13/02/2023, Công ty A nhận được số tiền 10.003.000 đồng để nộp phí bảo hiểm cho kỳ phí ngày 09/9/2022 của Hợp đồng bảo hiểm. Do hợp đồng

bảo hiểm đã mất hiệu lực, theo quy định, bên mua bảo hiểm Trương Thị X phải lập Phiếu yêu cầu khôi phục hiệu lực hợp đồng và Tờ khai sức khỏe đến Công ty A để Công ty tiến hành thẩm định. Ngày 21/4/2023, A Việt Nam nhận được Phiếu yêu cầu khôi phục hiệu lực hợp đồng và Tờ khai sức khỏe của khách hàng Trương Thị X và Đoàn Văn H đều đề ngày 20/4/2023. Sau khi thẩm định, ngày 25/4/2023, Công ty A từ chối yêu cầu khôi phục hiệu lực hợp đồng bảo hiểm với lý do “tình trạng sức khỏe của người được bảo hiểm Đoàn Văn H không phù hợp với điều kiện để được khôi phục hiệu lực hợp đồng bảo hiểm theo quy tắc thẩm định hiện hành của A Việt Nam”.

Nay bà Trương Thị X, ông Đoàn Văn H khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện YM, tỉnh Ninh Bình giải quyết, buộc Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ A phải hoàn trả toàn bộ số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) mà ông bà đã đóng 04 năm từ năm 2019 đến năm 2022, Công ty A không đồng ý. Theo quy định tại mục “các loại chi phí” trong Hợp đồng bảo hiểm, phí bảo hiểm hàng năm của bên mua bảo hiểm sẽ bị khấu trừ các khoản phí từ phí bảo hiểm cơ bản (12.000.000 đồng/năm) như: chi phí ban đầu năm thứ 1 là 90%, năm thứ 2 là 80%, năm thứ 3 là 30%, năm thứ 4 là 20% và năm thứ 5+ là 1.5%; chi phí quản lý hợp đồng là 25.000 đồng/tháng (300.000 đồng/năm), mức này có thể thay đổi tối đa là 60.000 đồng/tháng; chi phí quản lý quỹ là 2%/năm tính trên giá trị tài sản đầu tư của Quỹ liên kết chung; Căn cứ vào quy tắc, điều khoản sản phẩm bảo hiểm, Hợp đồng bảo hiểm của bà Trương Thị X bị mất hiệu lực ở thời điểm kết thúc năm thứ 3 nên bà Trương Thị X sẽ nhận về giá trị tài khoản còn lại là 244.870 đồng, cùng toàn bộ phí bảo hiểm 15.003.000 đồng đã đóng vào ngày 22/10/2022 và ngày 13/02/2023 nêu trên. Công ty A không đơn phương đình chỉ Hợp đồng bảo hiểm với bà Trương Thị X nên không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn và người Đ diện theo ủy quyền của nguyên đơn trên cơ sở sau:

- Công ty A Việt Nam đã phát hành Giấy chứng nhận bảo hiểm cho Hợp đồng bảo hiểm số U913543683 căn cứ trên hồ sơ yêu cầu bảo hiểm có đầy đủ chữ ký, chữ viết xác nhận của bên mua bảo hiểm Trương Thị X và người được bảo hiểm Đoàn Văn H. Hợp đồng bảo hiểm được giao kết đúng hình thức, đủ nội dung theo quy định Điều 14 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010). Trong quá trình tổ tụng, bên mua bảo hiểm Trương Thị X và người được bảo hiểm Đoàn Văn H đều biết, đều thừa nhận tình tiết, sự kiện giao kết Hợp đồng bảo hiểm với A Việt Nam. Do đó, căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, việc giao kết Hợp đồng bảo hiểm đúng

pháp luật là tình tiết không phải chứng minh. Do vậy hợp đồng bảo hiểm số U913543683 có giá trị pháp lý ràng buộc các bên tham gia, làm cơ sở pháp lý để xác lập quyền, nghĩa vụ dân sự giữa A Việt Nam với bên mua bảo hiểm Trương Thị X và người được bảo hiểm Đoàn Văn H.

- Bà X có trách nhiệm đóng phí đầy đủ, theo thời hạn và phương thức đã thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm, cụ thể là các kỳ phí đến hạn vào ngày 09/9 hàng năm. Trách nhiệm này căn cứ theo quy định pháp luật và thỏa thuận trong Hợp đồng bảo hiểm tại khoản 6 Điều 3; điểm a khoản 2 Điều; khoản 1 Điều 35 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2019); Điều 1.15 quy tắc, điều khoản quy định: *“Phí bảo hiểm cơ bản: là khoản tiền được Bên mua bảo hiểm xác định phù hợp với nhu cầu của mình và phải đóng tại mỗi kỳ đóng phí theo định kỳ đóng phí đã chọn. Phí bảo hiểm cơ bản được thể hiện trên Giấy chứng nhận bảo hiểm”*. Nhưng bà X không đóng đủ phí bảo hiểm cho kỳ phí ngày 09/9/2022 và trong khoảng thời gian gia hạn đóng phí 60 ngày, cụ thể là chỉ đóng 5.000.000 đồng vào ngày 22/10/2022 trong thời hạn này. Do đó, Hợp đồng bảo hiểm bị chấm dứt hiệu lực khi không đóng đủ phí theo các quy định pháp luật và thỏa thuận trong Hợp đồng bảo hiểm theo khoản 3 Điều 23; khoản 2 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 17 Luật kinh doanh bảo hiểm; Điều 15.3 quy tắc, điều khoản hợp đồng bảo hiểm quy định: *“Hết thời gian gia hạn đóng phí bảo hiểm như quy định tại Điều 15.1 của Quy tắc và Điều khoản này, nếu Bên mua bảo hiểm không đóng đủ khoản phí bảo hiểm theo yêu cầu, Hợp đồng bảo hiểm này sẽ bị mất hiệu lực”*.

- Bà X đã yêu cầu khôi phục hiệu lực cho Hợp đồng bảo hiểm số U913543683. Công ty A Việt Nam đã từ chối yêu cầu khôi phục hiệu lực hợp đồng bảo hiểm, lý do *“tình trạng sức khỏe của người được bảo hiểm Đoàn Văn H không phù hợp với điều kiện để được khôi phục hiệu lực hợp đồng bảo hiểm theo quy tắc thẩm định hiện hành của A Việt Nam”*. Điều này phù hợp với quy định tại Điều 24 Quy tắc, điều khoản sản phẩm bảo hiểm như sau: *“Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm phải cung cấp bằng chứng về tình trạng sức khỏe và đáp ứng mọi điều kiện để có thể được bảo hiểm theo quy định của Công ty”*.

- Khi Hợp đồng bảo hiểm bị chấm dứt, A Việt Nam sẽ trả lại Giá trị tài khoản tại thời điểm Hợp đồng bảo hiểm bị chấm dứt sau khi trừ đi các khoản nợ (nếu có). Hợp đồng bảo hiểm bị mất hiệu lực kể từ ngày 09/9/2022. Giá trị tài khoản của Hợp đồng bảo hiểm tại thời điểm này là 244.870 đồng. Bên cạnh đó, do yêu cầu khôi phục

của bà X không được chấp nhận, A Việt Nam trả lại số tiền phí bảo hiểm đã nộp sau khi Hợp đồng mất hiệu lực là 15.003.000 đồng. Do đó, Công ty A Việt Nam chỉ trả lại số tiền 15.247.870 đồng (244.870 đồng và 15.003.000 đồng) cho bà X. Đến nay, dù đã được thông báo tại các Thư phúc đáp về việc nhận lại số tiền này, nhưng bà X vẫn không đồng ý nhận lại.

Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thuỷ trình bày: năm 2019 bà làm Đ lý bảo hiểm cho Công ty A. Do vợ chồng bà X, ông H là người cùng thôn và cũng quen biết nhau nên nhiều lần bà Th đưa vợ chồng ông H, bà X tham gia các buổi hội thảo giới thiệu sản phẩm của Công ty A. Tại đây, nhân viên Công ty A đã tư vấn cho bà X mua sản phẩm bảo hiểm An Phúc Trọn Đời Ưu Việt - Quyền lợi nâng cao, người được bảo hiểm là ông Đoàn Văn H, chồng bà X, thời hạn đóng bảo hiểm là 15 năm, mỗi năm đóng 01 lần là 15.000.000 đồng. Hết 15 năm, nếu bên mua rút toàn bộ số tiền bảo hiểm thì Hợp đồng chấm dứt, nếu vẫn để lại thì được Công ty tiếp tục bảo vệ đến năm 99 tuổi. Bà Th cũng tư vấn lại cho bà X và ông H mua sản phẩm bảo hiểm như nhân viên Công ty hướng dẫn. Ngày 09/9/2019, bà Th hướng dẫn và làm các thủ tục cho bà X, ông H ký hợp đồng bảo hiểm số U913543683 với Công ty A. Ngày 23/9/2019 Hợp đồng của bà X đã được Công ty chấp thuận và phát hành Giấy chứng nhận bảo hiểm. Khi nhận được bộ Hợp đồng bảo hiểm chính bà Th đã giao lại cho bà X, ông H. Số tiền 15.000.000 đồng của kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên nộp kèm theo hồ sơ yêu cầu bảo hiểm là tiền của bà X đưa cho bà Th nộp giúp cho Công ty Bảo hiểm, không phải tiền bà Th cho bà X vay. Kỳ đóng phí năm 2020, 2021 bà X đều nhờ bà Th đóng đầy đủ. Đến kỳ đóng phí lần thứ 4 năm 2022, do bà X không đủ tiền để đóng phí 01 lần, bà X có hỏi bà là “em đóng 2 lần có được không?” “bây giờ em mới có 5.000.000 đồng” nên bà có bảo với bà X là: “đóng làm 2 lần được, tháng này cứ đóng trước 5.000.000 đồng đi, rồi tháng sau đóng nốt 10.000.000 đồng”. Khoảng tháng 10/2022 bà X đưa cho bà Th 5.000.000 đồng để đóng hộ, bà Th đã nộp cho Công ty A số tiền này. Tháng 11/2022, bà X đưa tiếp cho bà Th 10.000.000 đồng nhưng do bà Th đi vắng nên chồng bà Th là ông Tống Văn Ng đã nhận để đi đóng hộ bà X. Khi ông Ng đến bưu điện nộp thì thao tác 2 lần đều bị lỗi hệ thống. Ông Ng không đóng hộ được tiền bảo hiểm cho bà X, ông H nên đã mang trả lại nhưng ông H không nhận, bảo ông Ng cầm đợi bà Th về thì nhờ đóng lại. Tháng 12/2022, bà Th về và mang số tiền 10.000.000 đồng bà X gửi đi đóng hộ nhưng không đóng được, mã hợp đồng bị treo. Bà Th đã gọi điện cho

Công ty bảo hiểm để hỏi thì được trả lời: Hợp đồng bảo hiểm của bà X bị mất hiệu lực, báo với bà X, ông H ký khôi phục lại hợp đồng. Bà X, ông H đã ký khôi phục lại hợp đồng bảo hiểm. Ngày 13/02/2023, bà Th mang 10.000.000 đồng nộp lại cho Công ty A giúp bà X, lúc này bà Th nghĩ hợp đồng bảo hiểm vẫn đang tiếp tục có hiệu lực. Đến kỳ đóng phí năm 2023 bà X tiếp tục nhờ bà Th đóng hộ 15.000.000 đồng nhưng bị lỗi không đóng được. Bà Th mang trả lại bà X và gọi điện cho Công ty A để hỏi thì được biết Hợp đồng bảo hiểm của bà X đã bị mất hiệu lực, nếu muốn khôi phục thì bà X, ông H phải ký lại, sao kê bệnh án cắt mô dạ dày có hình ảnh. Bà Th đã thông tin lại cho bà X, ông H biết để ông bà làm việc với Công ty A.

Về thời hạn đóng phí ghi trong Hợp đồng bảo hiểm giữa bà X với Công ty là 46 năm, bà Th không biết. Khi bà X khiếu nại đến Công ty A thì bà Th mới biết nội dung này, đây là việc ngoài ý muốn và nằm ngoài khả năng kiểm soát của bà. Việc Hợp đồng bảo hiểm đã bị mất hiệu lực do bà X đóng trễ hạn không phải lỗi của bà, vì bà chỉ là Đ lý bảo hiểm tư vấn khi bà X tham gia bảo hiểm, khi bà X tham gia bảo hiểm với Công ty thì việc đóng bảo hiểm các kỳ như thế nào là thuộc trách nhiệm của bà X. Thời điểm cuối năm 2022, bà Th không còn là Đ lý tư vấn bảo hiểm của Công ty A. Do nể nang là người cùng xóm, bà X không có thời gian nên bà Th mới nhận lời nộp hộ. Việc nộp phí bảo hiểm cho bên mua, chỉ cần có “Mã số hợp đồng bảo hiểm” thì ai cũng có thể thực hiện được.

Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người làm chứng ông Tống Văn Ng trình bày: về nội dung vợ ông là bà Nguyễn Thị Th là Đ lý của Công ty A và quá trình tư vấn, nộp hộ phí bảo hiểm cho vợ chồng bà X ông H và việc ông không nộp hộ được số tiền bảo hiểm khi vợ ông đi vắng như bà Th trình bày là đúng. Tháng 12/2022 bà Th về, ông đưa lại số tiền trên cho bà Th. Sau đó sự việc như nào nữa thì ông Ng không biết. Thời gian gần đây, gia đình bà X luôn đến gây sự gia đình nhà ông và cho rằng Hợp đồng bảo hiểm của bà X bị mất hiệu lực là do bà Th, hai bên đã xảy ra xô xát, chính quyền địa phương phải đến can thiệp. Ông Ng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã triệu tập người làm chứng ông Phạm Văn Đ trình bày: ông Đ xác nhận ông có tham gia mua bảo hiểm nhân thọ của Công ty A, thông qua Đ lý là bà Nguyễn Thị T. Còn việc vợ chồng bà X tham gia mua bảo hiểm nhân thọ của Công ty A thông qua Đ lý Nguyễn Thị Th như nào thì ông không biết, ông không biết gì về những tình tiết liên quan đến vụ án. Ông Đ chỉ biết

qua lời bà Tươi có nói là bà Th có cho bà X vay tiền để tham gia bảo hiểm, còn có việc cho vay hay không thì ông không được chứng kiến. Khoảng tháng 10/2023, ông có đến Công ty A tại Ninh Bình để khôi phục hợp đồng bảo hiểm của ông thì có gặp vợ chồng bà X ông H, qua nói chuyện thì ông Đ được biết vợ chồng bà X cũng đến Công ty để liên hệ khôi phục hợp đồng bảo hiểm, còn cụ thể như nào thì ông Đ không biết. Ông Đ trình bày do công việc bận ông không có thời gian tham gia phiên tòa và đề nghị Tòa án không triệu tập ông đến tham gia phiên tòa.

Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YM, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Ngày 09/9/2019, Công ty A nhận được bộ hồ sơ yêu cầu bảo hiểm của bà Trương Thị X và ông Đoàn Văn H do Đ lý Nguyễn Thị Th tư vấn, hướng dẫn làm thủ tục. Bà X, ông H đề nghị tham gia bảo hiểm tại Công ty A với các thông tin như sau: Bên mua bảo hiểm bà Trương Thị X, người được bảo hiểm chính ông Đoàn Văn H, người được bảo hiểm bổ sung bà Trương Thị X, người thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm bà Trương Thị X, sản phẩm chính An Phúc Trọn Đời Ưu Việt - Quyền lợi nâng cao. Số tiền bảo hiểm cho Quyền lợi nâng cao: 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn đóng phí 46 năm. Sản phẩm bảo hiểm bổ sung đối với người được bảo hiểm chính gồm: Bảo hiểm tử vong và thương tật do tai nạn 50.000.000 đồng; hỗ trợ chi phí nằm viện 200.000 đồng/ngày. Đối với người được bảo hiểm bổ sung bà Trương Thị X có quyền miễn thu phí đặc biệt 13.215.000 đồng, hỗ trợ chi phí nằm viện 100.000 đồng/ngày. Tổng phí bảo hiểm năm đầu tiên là 15.005.000đồng/năm; phương thức đóng phí: 01 lần/năm. Công ty A không yêu cầu những người được bảo hiểm đi khám sức khỏe, người được bảo hiểm tự kê khai và chịu trách nhiệm về tính trung thực của tình trạng sức khỏe đã kê khai. Ngày 23/9/2019, Công ty A chấp thuận bảo hiểm và phát hành Giấy chứng nhận bảo hiểm cho Hợp đồng bảo hiểm số U913543683 với hiệu lực kể từ ngày khách hàng ký là 09/9/2019, ngày hết hạn Hợp đồng là 09/9/2065. Tổng phí bảo hiểm định kỳ cho Hợp đồng bảo hiểm là 15.005.000 đồng, trong đó phí bảo hiểm cho sản phẩm chính (có giá trị hoàn lại) là 12.000.000 đồng, phí bảo hiểm cho sản

phẩm bổ sung (không có giá trị hoàn lại) là 3.005.000 đồng; bà X chọn phương thức đóng định kỳ “năm”.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, người được bảo hiểm là ông Đoàn Văn H đã có 03 lần yêu cầu Công ty A chi trả “Quyền lợi bảo hiểm năm viện” vào các ngày 17/6/2020, ngày 26/11/2020 và 03/6/2021, lần lượt các số tiền 1.400.000 đồng, 1.200.000 đồng và 2.600.000.

Đến kỳ đóng phí bảo hiểm ngày 09/9/2022 bà X không thanh toán đủ phí bảo hiểm định kỳ cho Công ty. Theo quy định trong Hợp đồng, bên mua bảo hiểm được quyền gia hạn đóng phí là 60 ngày. Theo số điện thoại bà X đăng ký trong Hợp đồng, Công ty A đã 02 lần gửi tin nhắn cho bà X thông báo đến hạn nộp phí vào ngày 22/8/2022 và ngày 24/9/2022 và 02 lần gửi thư báo đến hạn nộp phí lần lượt đề ngày 12/8/2022 và 24/9/2022, thư báo gửi về địa chỉ của người mua bảo hiểm thể hiện trong Hợp đồng là thôn Ph, xã YL, huyện YM, tỉnh Ninh Bình. Ngày 22/10/2022, bà X nộp số tiền 5.000.000 đồng. Do số tiền này không đủ để đóng cho kỳ phí đến hạn là 15.005.000 đồng nên Công ty A tạm treo vào khoản phí dư của Hợp đồng bảo hiểm. Ngày 08/11/2022, hết thời gian gia hạn đóng phí 60 ngày, Công ty A vẫn không nhận đủ phí bảo hiểm từ bên mua bảo hiểm bà Trương Thị X. Do đó, Hợp đồng bảo hiểm số U913543683 của bà Trương Thị X đã bị mất hiệu lực kể từ ngày 09/9/2022. Ngày 13/11/2022, Công ty A phát hành Thông báo chấm dứt hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm cho khách hàng Trương Thị X với lý do: khách hàng không đóng đủ phí bảo hiểm trong thời hạn. Ngày 13/02/2023, Công ty A nhận được số tiền 10.003.000 đồng để nộp phí bảo hiểm cho kỳ phí ngày 09/9/2022 của Hợp đồng bảo hiểm. Do hợp đồng bảo hiểm đã mất hiệu lực, theo quy định, bên mua bảo hiểm Trương Thị X phải lập Phiếu yêu cầu khôi phục hiệu lực hợp đồng và Tờ khai sức khỏe đến Công ty A để Công ty tiến hành thẩm định. Ngày 21/4/2023, A Việt Nam nhận được Phiếu yêu cầu khôi phục hiệu lực hợp đồng và Tờ khai sức khỏe của khách hàng Trương Thị X và Đoàn Văn H đều đề ngày 20/4/2023. Sau khi thẩm định, ngày 25/4/2023, Công ty A từ chối yêu cầu khôi phục hiệu lực hợp đồng bảo hiểm với lý do “tình trạng sức khỏe của người được bảo hiểm Đoàn Văn H không phù hợp với điều kiện để được khôi phục hiệu lực hợp đồng bảo hiểm theo quy tắc thẩm định hiện hành của A Việt Nam”.

Bà Trương Thị X, ông Đoàn Văn H khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện YM, tỉnh Ninh Bình giải quyết, buộc Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ A phải hoàn

trả toàn bộ số tiền 60.000.000 đồng (*sáu mươi triệu đồng*) mà ông bà đã đóng 04 năm từ năm 2019 đến năm 2022.

Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 40; Điều 147, khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 385, Điều 398, Điều 401, Điều 405 và Điều 468 Bộ luật Dân sự. Căn cứ Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 17, điểm a khoản 2 Điều 18, khoản 3 Điều 23, Điều 24, khoản 2 Điều 35, Điều 84, Điều 85, Điều 86, Điều 87 và Điều 88 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 được sửa đổi bổ sung năm 2010. Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX tuyên bố chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ A phải hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền 15.247.870 đồng (trong đó gồm: 244.870 đồng giá trị tài khoản của năm 2019, 2020, 2021 và 15.003.000 đồng trong tài khoản phí dư là số tiền bà X đóng phí bảo hiểm năm thứ tư (năm 2022)).

Về án phí: do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần, nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận theo quy định của pháp luật. Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là bà Trương Thị X, ông Đoàn Văn H cư trú tại thôn Ph, xã YL, huyện YM, tỉnh Ninh Bình khởi kiện tranh chấp hợp đồng bảo hiểm nhân thọ. Tòa án xác định đây là quan hệ pháp luật về “Tranh chấp hợp đồng dân sự”; tại Điều 33 phần Quy tắc và điều khoản sản phẩm bảo hiểm “An phúc trọn đời ưu việt” có quy định: khi xảy ra tranh chấp người được bảo hiểm có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án nơi mình cư trú giải quyết. Vụ án không có yếu tố nước ngoài. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện YM, tỉnh Ninh Bình thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2]. Về thời hiệu khởi kiện: ngày 25/4/2023 sau khi có thông báo của Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ A về việc từ chối khôi phục Hợp đồng bảo hiểm số U913543683 đối với bà Trương Thị X. Ngày 04/10/2024, bà X có đơn khởi kiện gửi đến Tòa án yêu cầu giải quyết là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự.

[1.3]. Về phạm vi yêu cầu khởi kiện:

Theo quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc trong phạm vi Đơn khởi kiện đó. Theo quy định tại khoản 2 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, Thẩm phán đã hỏi đương sự về yêu cầu khởi kiện, phạm vi yêu cầu khởi kiện, việc sửa đổi, bổ sung, thay đổi, rút yêu cầu khởi kiện. Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự đều khẳng định: Công ty bảo hiểm đã nhận tổng số tiền bà X đóng là 60.013.000 đồng (năm 2019 đóng 15.000.000 đồng, năm 2020 đóng 15.005.000 đồng, năm 2021 đóng 15.005.000 đồng, tháng 10/2022 đóng 5.000.000 đồng, tháng 02/2023 đóng 10.003.000 đồng). Tuy nhiên tại Đơn khởi kiện không ghi ngày tháng năm của bà X gửi Tòa án nhân dân huyện YM nhận được ngày 16/9/2024, Đơn khởi kiện ngày 04/10/2024, Bản tự khai ngày 30/10/2024 và Phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 26/3/2025, nguyên đơn đều xác định yêu cầu khởi kiện và phạm vi yêu cầu khởi kiện là: yêu cầu Tòa án buộc Công ty A hoàn trả cho nguyên đơn tổng số tiền phí bảo hiểm đã đóng từ năm 2019 đến năm 2022 là 60.000.000 đồng do Công ty A hủy bỏ Hợp đồng bảo hiểm. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ xem xét và giải quyết yêu cầu khởi kiện và phạm vi khởi kiện đã được nguyên đơn xác định lần cuối cùng tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 26/3/2025 nêu trên.

Tại Bản tự khai ngày 12/5/2025, ngày 16/5/2025 của người Đ diện theo ủy quyền của ông H; Đơn xin bổ sung nhân chứng, ý kiến ngày 11/6/2025 của bà Trương Thị X gửi cho Tòa án nhận được ngày 16/6/2025 và tại phiên tòa hôm nay đã bổ sung yêu cầu khởi kiện: yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng bảo hiểm giữa nguyên đơn với Công ty A vô hiệu; buộc Công ty A phải trả tiền lãi với lãi suất ngân hàng là 1 phần trăm của từng mệnh giá tiền của từng năm từ tháng 9 năm 2019 cho đến ngày xét xử xong. Các yêu cầu này của nguyên đơn được đưa ra sau phiên họp về kiểm tra việc giao nộp,

tiếp cận, công khai chứng cứ, vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[1.4]. Về văn bản pháp luật áp dụng:

Hợp đồng bảo hiểm số U913543683 giữa Công ty A với bà Trương Thị X ký kết ngày 09/9/2019 là thời điểm Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2010, năm 2019 và Bộ luật Dân sự năm 2015 đang có hiệu lực. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các quy định tại các văn bản pháp luật nêu trên và các văn bản pháp luật có liên quan để giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự đều xác nhận: Hợp đồng bảo hiểm số U913543683 ngày 09/9/2019 được ký giữa Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ A với bên mua bảo hiểm là bà Trương Thị X, người được bảo hiểm là ông Đoàn Văn H, chồng bà X, thông qua Đ lý bảo hiểm bà Nguyễn Thị Th. Quá trình thực hiện Hợp đồng, người được bảo hiểm là ông Đoàn Văn H đã có 03 lần yêu cầu Công ty A chi trả “Quyền lợi bảo hiểm nằm viện” vào các ngày 17/6/2020, ngày 26/11/2020 và 03/6/2021. Công ty A đã thanh toán cho ông H lần lượt các số tiền 1.400.000 đồng, 1.200.000 đồng và 2.600.000. Tổng số tiền Công ty A đã chi trả cho người được bảo hiểm ông Đoàn Văn H trong quá trình thực hiện Hợp đồng bảo hiểm là 5.200.000 đồng. Bà Trương Thị X đã đóng đầy đủ phí bảo hiểm cho Hợp đồng bảo hiểm số U913543683 của các năm 2019, 2020, 2021 với tổng số tiền 45.010.000 đồng. Ngày 22/10/2022, đến kỳ đóng phí năm 2022, bà X nhờ bà Th nộp cho Công ty A số tiền 5.000.000 đồng, bà Th đã nộp xong. Ngày 17/11/2022, bà X tiếp tục nhờ bà Th đóng nốt số tiền 10.000.000 đồng cho Công ty A. Do bà Th đi vắng, chồng bà Th là ông Ng đi nộp thay nhưng không nộp được. Ông Ng đã thông báo và trả lại tiền cho bà X nhưng bà X không nhận lại mà tiếp tục nhờ ông Ng giữ đến khi bà Th về thì đưa cho bà Th đi nộp hộ. Cuối tháng 12/2022 bà Th từ miền nam về đi đóng phí cho bà X nhưng không đóng được, Công ty đã trả lời Hợp đồng mất hiệu lực do đóng phí chậm và hướng dẫn nếu muốn khôi phục hiệu lực Hợp đồng thì đóng đủ phí bảo hiểm của kỳ phí 09/9/2022 để làm thủ tục khôi phục hiệu lực Hợp đồng. Ngày 13/02/2023, bà Th nộp 10.003.000 đồng trên cho Công ty A thông qua Ngân hàng Nông nghiệp. Bà X, ông H đã thực hiện đầy đủ các yêu cầu của Công ty về việc khôi phục Hợp đồng. Ngày 23/8/2023, bà X đóng phí bảo hiểm của năm thứ 5 thì Công ty A từ chối với lý do Hợp đồng bảo hiểm của gia đình bà X bị hủy do không đủ điều

kiện khôi phục. Tại thư phúc đáp ngày 06/6/2024 Công ty A đã thông báo cho bà X nhận lại giá trị tài khoản của Hợp đồng bảo hiểm tại thời điểm mất hiệu lực là 244.870 đồng và số tiền 15.003.000 đồng nộp ngày 22/10/2022 và 13/02/2023 nhưng bà X không nhận lại. Đây là các tình tiết, sự kiện đã được các bên đương sự xác nhận, không phải chứng minh.

[2.2]. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn Công ty A phải hoàn trả toàn bộ số tiền 60.000.000 đồng (*sáu mươi triệu đồng*) mà bà Trương Thị X đã đóng phí bảo hiểm nhân thọ trong 04 năm từ năm 2019 đến năm 2022 cho Hợp đồng bảo hiểm số U913543683 ngày 09/9/2019.

Xét thấy: Hợp đồng bảo hiểm số U913543683 ngày 09/9/2019 giữa bên mua bảo hiểm là bà Trương Thị X, người được bảo hiểm là ông Đoàn Văn H với Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ A được lập thành văn bản, ký kết trên cơ sở sự thỏa thuận và tự nguyện của các bên. Theo đó, bên mua bảo hiểm có nghĩa vụ đóng phí bảo hiểm là 15.005.000 đồng/1 năm, trong đó phí bảo hiểm cơ bản là 12.000.000 đồng (có giá trị hoàn lại), phí bảo hiểm các sản phẩm bổ sung là 3.005.000 đồng (không có giá trị hoàn lại); phương thức đóng phí là “năm”, Công ty bảo hiểm có nghĩa vụ thực hiện chi trả các khoản bảo hiểm khi có sự kiện bảo hiểm xảy ra và bên mua có đơn yêu cầu. Hợp đồng bảo hiểm số U913543683 ngày 09/9/2019 giữa bà Trương Thị X và Công ty bảo hiểm AIA được ký kết trên cơ sở sự tự nguyện của các bên, người mua bảo hiểm là bà X đủ năng lực hành vi dân sự, Công ty bảo hiểm AIA có tư cách pháp nhân và đủ điều kiện kinh doanh; hình thức và nội dung của Hợp đồng đảm bảo quy định tại Điều 14, Điều 17, Điều 18 của Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000; Điều 385, Điều 398 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, Hợp đồng bảo hiểm số U913543683 ngày 09/9/2019 giữa bà Trương Thị X và Công ty bảo hiểm AIA có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký 09/9/2019, các bên có quyền và nghĩa vụ thực hiện các thỏa thuận đã nêu trong Hợp đồng.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện sau khi ký kết, ngày 10/10/2019, bà X đã nhận được Hợp đồng bảo hiểm của Công ty bảo hiểm gửi cho bà. Sau 21 ngày cân nhắc, bà X không có yêu cầu hủy Hợp đồng, không có yêu cầu chỉnh sửa, thay đổi điều khoản nào trong Hợp đồng, nên theo thỏa thuận tại Hợp đồng thì thời hạn Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký 09/9/2019. Kể từ thời điểm này, các bên tham gia Hợp đồng có các quyền và nghĩa vụ như đã thỏa thuận. Tại các ngày kỷ niệm Hợp đồng trong các năm 2019, 2020, 2021 bên mua bảo hiểm đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng

phí. Sau khi ký Hợp đồng bảo hiểm, ông H có 3 lần phải điều trị nằm viện. Thực hiện quyền được yêu cầu Công ty bảo hiểm chi trả các quyền lợi nằm viện cho người được bảo hiểm theo Hợp đồng đã ký, bà X đã yêu cầu Công ty chi trả quyền lợi tại các Đơn yêu cầu ngày 17/6/2020, ngày 26/11/2020 và 03/6/2021 với mức hỗ trợ chi phí nằm viện 200.000 đồng/ngày là hoàn toàn phù hợp với thỏa thuận giữa bà X với Công ty bảo hiểm được mô tả tại bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm tại trang 2/16 bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm. Việc bên mua bảo hiểm làm đơn yêu cầu Công ty A cho hưởng các quyền lợi bảo hiểm 3 lần và được Công ty bảo hiểm AIA thanh toán quyền lợi bảo hiểm cho ông H với tổng số tiền 5.200.000 đồng thể hiện bên mua bảo hiểm đã chấp nhận nội dung các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng, Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực từ ngày các bên ký kết và các bên đang thực hiện quyền, nghĩa vụ đã ký kết. Việc người Đ diện theo ủy quyền của ông H yêu cầu tuyên bố Hợp đồng vô hiệu là không có căn cứ chấp nhận.

Theo thỏa thuận tại Hợp đồng bảo hiểm, bà X có nghĩa vụ đầy đủ phí bảo hiểm là 15.005.000 đồng tại ngày kỷ niệm Hợp đồng 09/9 hàng năm và trong thời gian gia hạn 60 ngày theo phương thức đã thỏa thuận. Tuy nhiên, hết thời gian gia hạn 60 ngày đóng phí của kỳ phí 09/9/2022, Công ty A mới chỉ nhận được 5.000.000 đồng của bà X, không đủ số tiền phí bà X phải nộp. Bà X không có tài liệu, chứng cứ chứng minh đã đóng đủ số tiền phí cam kết cho Công ty bảo hiểm trong thời hạn quy định. Căn cứ Điều 15.3 quy tắc, điều khoản hợp đồng bảo hiểm; điểm c khoản 1 Điều 17, điểm a khoản 2 Điều 18, khoản 3 Điều 23, khoản 2 Điều 35 của Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 được sửa đổi, bổ sung năm 2010, năm 2019 thì Hợp đồng bảo hiểm số U913543683 đã bị mất hiệu lực kể từ ngày 09/9/2022, Công ty A phải trả lại toàn bộ giá trị tài khoản còn lại của tổng số tiền phí bảo hiểm trước đó bà X đã nộp.

Bà X đã đóng đầy đủ phí bảo hiểm 3 năm 2019, 2020, 2021, trong đó phí bảo hiểm cơ bản có giá trị hoàn lại là 12.000.000 đồng/năm; 36.000.000 đồng/3 năm. Các loại chi phí mà phí bảo hiểm cơ bản phải chịu gồm: chi phí quản lý Hợp đồng là 300.000 đồng/năm; chi phí quản lý quỹ 2%/năm; chi phí ban đầu của năm thứ nhất là 90%, năm thứ 2 là 80%, năm thứ 3 là 30% tính trên giá trị tài sản đầu tư của Quỹ liên kết chung. Sau khi trừ các khoản chi phí nêu trên từ phí bảo hiểm cơ bản, giá trị tài khoản còn lại của Hợp đồng trong các năm 2019, 2020, 2021 là 244.870 đồng.

[2.3] Tại Điều 14.6 Quy tắc và điều khoản sản phẩm bảo hiểm quy định: Công ty sẽ gửi thông báo nhắc bên mua về việc đóng phí, tuy nhiên bên mua phải chủ động đóng

phí vào hoặc trước ngày đến hạn đóng phí ngay cả khi bên mua chưa nhận được thông báo. Tại kỳ đóng phí bảo hiểm năm 2022, bà X đã nhờ bà Th đóng giúp số tiền phí bảo hiểm 5.000.000 đồng, Công ty đã nhận được số tiền này vào ngày 22/10/2022, số tiền còn thiếu bà X tiếp tục nhờ bà Th đóng giúp nhưng đã không được nộp đúng hạn. Điều 14.7 Quy tắc và điều khoản sản phẩm bảo hiểm cũng quy định: bên mua bảo hiểm có thể ủy quyền người khác nộp phí bảo hiểm thay mình và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với các rủi ro và các vấn đề phát sinh có liên quan đến việc nộp phí bảo hiểm đó. Tại mục 4 phần cam kết của bên mua bảo hiểm/người được bảo hiểm là bà X, ông H trong Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm có chữ ký của bà X, ông H thể hiện nội dung: “tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền cho người khác thay tôi nộp phí bảo hiểm...”. Như vậy, nộp phí bảo hiểm là nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm. Việc bà X ủy quyền hoặc nhờ bất kỳ ai nộp hộ là quan hệ giữa bà X với người được nhờ hoặc ủy quyền. Bà X không xuất trình được các tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền phí bảo hiểm năm thứ 4 (năm 2022) đã nộp cho Công ty A như thỏa thuận trong Hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ bên mua bảo hiểm và phải chịu các hậu quả do việc không nộp đủ phí bảo hiểm đã thỏa thuận trong Hợp đồng.

Đối với số tiền phí bảo hiểm năm thứ 4 (2022), bà X đã nộp 5.000.000 đồng. Số tiền này chưa đủ phí bảo hiểm của năm 2022, Công ty A đã tạm treo vào khoản phí dư của Hợp đồng bảo hiểm. Hết thời hạn gia hạn 60 ngày, Công ty A cũng không nhận được số tiền phí bảo hiểm còn lại nên ngày 13/11/2022 Công ty đã ra Thông báo chấm dứt hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm và gửi đến bà X ngày 20/11/2022. Ngày 13/02/2023, Công ty nhận được số tiền 10.003.000 đồng của bà Nguyễn Thị Th nộp để làm thủ tục khôi phục Hợp đồng. Như vậy, tổng số tiền bà X nộp sau khi Hợp đồng U913543683 mất hiệu lực là 15.003.000 đồng vẫn ở trong tài khoản phí dư để xem xét khôi phục hiệu lực Hợp đồng, đây không phải phí Hợp đồng bảo hiểm của năm 2022. Sau khi không chấp nhận yêu cầu khôi phục Hợp đồng do ông H không đủ điều kiện về sức khỏe, Công ty A đã thông báo trả lại số tiền trên nhưng bà X ông H không đồng ý nhận lại.

[2.4] Từ các phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty bảo hiểm trả lại cho nguyên đơn số tiền phí bảo hiểm đã đóng 60.000.000 đồng; chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty A trả lại cho bà X số tiền 15.247.870 đồng (244.870 đồng

giá trị tài khoản của năm 2019, 2020, 2021 và 15.003.000 đồng trong tài khoản phí dư). Số tiền nguyên đơn không được chấp nhận là 44.752.130 đồng.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm

- Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận là 2.237.606 đồng ($44.752.130 \text{ đồng} \times 5\%$), làm tròn: 2.238.000 đồng (*hai triệu hai trăm ba mươi tám nghìn đồng*) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.500.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0001983 ngày 08/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện YM; nguyên đơn còn phải nộp tiếp số tiền 738.000 đồng (*bảy trăm ba mươi tám nghìn đồng*).

- Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là 762.393 đồng ($15.247.870 \text{ đồng} \times 5\%$), làm tròn: 762.000 đồng (*bảy trăm sáu mươi hai nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 40; Điều 147, khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 385, 398, 401, 405 và Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 17, điểm a khoản 2 Điều 18, khoản 3 Điều 23, Điều 24, khoản 2 Điều 35, Điều 84, Điều 85, Điều 86, Điều 87 và Điều 88 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 được sửa đổi bổ sung năm 2010.

Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc “yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ A hoàn trả cho nguyên đơn tổng số tiền phí bảo hiểm đã đóng từ năm 2019 đến năm 2022 là 60.000.000 đồng do hủy bỏ Hợp đồng bảo hiểm số U913543683 ngày 09/9/2019”.

Buộc Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ A phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 15.247.870 đồng (làm tròn thành 15.248.000 đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án người phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn phải chịu 2.238.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.500.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0001983 ngày 08/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện YM, nguyên đơn phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm còn thiếu 738.000 đồng (*bảy trăm ba mươi tám nghìn đồng*).

Bị đơn phải chịu 762.000 đồng (*bảy trăm sáu mươi hai nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, sơ thẩm. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB;
- VKS huyện YM;
- THADS huyện YM;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Ngọc Hưng